

Số: ~~124~~4/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 01 NĂM 2019**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 01/2019 giảm 8,3% so với tháng trước. Tuy nhiên, so với tháng cùng kỳ năm trước chỉ số sản xuất công nghiệp đạt mức tăng khá (+12,81%). Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 2,13%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,79%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 23,75%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,49% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Trong tháng 01/2019, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Phân hóa học tăng 101,97%; dăm gỗ tăng 44,74%; điện thương phẩm tăng 30,55%; quặng inmenit tăng 28,34%; nước hoa quả (nước tăng lực) tăng 20,33%; bia lon tăng 17,39%; điện sản xuất tăng 11,27%. Một số sản phẩm duy trì mức tăng ổn định như: Quần áo may sẵn tăng 7,62%; gạch xây tăng 3,3%; colophan và axit nhựa cây tăng 2,49%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Quặng zircon giảm 40,42%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 16,98%; lốp xe các loại giảm 12,7%; săm xe các loại giảm 9,43%; xi măng giảm 5,25%; ván ép giảm 2,41% so với tháng cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại và giá cả tiêu dùng**

**2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2019 ước đạt 2.602,32 tỷ đồng, tăng 4,45% so với tháng trước và tăng 11,08% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.263,63 tỷ đồng, tăng 4,42% so với tháng trước và tăng 11,25% so với tháng cùng kỳ năm trước; Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 184,2 tỷ đồng, tăng 7,63%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 1.596,25 tỷ đồng, tăng 11,98%; kinh tế tư nhân ước đạt 483,19 tỷ đồng, tăng 10,29% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 338,69 tỷ đồng, tăng 4,63% so với tháng trước và tăng 9,97% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo

ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 239,72 tỷ đồng, tăng 10,26%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,79 tỷ đồng, tăng 8,92%; dịch vụ khác ước đạt 96,18 tỷ đồng, tăng 9,29% so với cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Hoàn chỉnh, trình Bộ Công Thương phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến 2035 - Hợp phần 1: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV; Đề xuất bổ sung quy hoạch các Dự án Nhà máy điện gió vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị.

- Hoàn chỉnh và tổ chức lấy ý kiến tham gia đối với Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh; Báo cáo công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành Công Thương năm 2018.

- Hoàn chỉnh, trình phê duyệt dự án đầu tư Tiêu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ; Hoàn chỉnh Dự thảo Quy định về "một cửa liên thông" trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp.

- Tăng cường công tác kiểm tra đảm bảo an toàn điện trước Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; Trình UBND tỉnh phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy điện Đakrông 3 và công trình thủy điện Khe Nghi.

- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cân đối cung cầu, bình ổn thị trường cuối năm 2018 và dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức hội chợ triển lãm trên địa bàn tỉnh năm 2019. Tổ chức Hội bàn công tác chuẩn bị và tổ chức Hội chợ Xuân – Quảng Trị 2019. Hoàn chỉnh Đề án thuộc chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia năm 2019.

- Hoàn chỉnh Dự thảo Kế hoạch Phòng, chống tham nhũng năm 2019; Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2019; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Sở Công Thương năm 2019.

- Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức năm 2019; Hội nghị tổng kết thực hiện nhiệm vụ ngành Công Thương năm 2018 và triển khai kế hoạch năm 2019; Tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 của Ban chỉ đạo 389 tỉnh. Hội nghị cán bộ chủ chốt về kiểm điểm tập thể và cá nhân lãnh đạo Sở năm 2018.

- Hoàn thành công tác đánh giá, xếp loại công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của Sở và cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Hoàn thành công tác sắp xếp và bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo quản lý các phòng chuyên môn thuộc

Sở; Công tác bình xét thi đua khen thưởng năm 2018; Hoàn thành các báo cáo liên quan công tác nội vụ năm 2018 và xây dựng kế hoạch năm 2019.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 02 năm 2019**

- Tham mưu đề xuất, triển khai các nội dung cam kết thực hiện nhiệm vụ năm 2019 giữa Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm Tỉnh ủy năm 2019; Chuẩn bị tổ chức làm việc với các huyện thị, thành phố về triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2019; Công bố và triển khai Đề án "Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035".

- Hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và Nhà máy nhiệt điện khí Gazprom tại Quảng Trị; Tổng hợp ý kiến đối với Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về việc phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 131 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh đến 2025. Tham mưu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số phát triển công nghiệp năm 2019; Xây dựng Chương trình triển khai thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh.

- Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện công tác khảo sát đo gió, hoàn thiện hồ sơ bổ sung Quy hoạch các dự án điện gió để triển khai thực hiện đầu tư; Đơn đốc hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các dự án năng lượng tái tạo đã được Bộ Công Thương bổ sung Quy hoạch (thủy điện nhỏ, điện gió và điện mặt trời) trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu chỉ đạo công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trước, trong và sau Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019; Thực hiện công tác đảm bảo hàng hóa, bình ổn thị trường trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng của tỉnh năm 2019; Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" của ngành Công Thương năm 2019.

- Triển khai Kế hoạch Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Quảng Trị năm 2019; Kế hoạch tổ chức hội chợ triển lãm trên địa bàn tỉnh năm 2019; Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh năm 2019; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thương mại biên giới năm 2019.

- Tham mưu trả lời ý kiến của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh; Ban hành và triển khai Kế hoạch Phòng chống tham nhũng năm 2019; Triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế năm 2019 của Sở Công Thương.

- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở năm 2019 và triển khai thực hiện; Thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo và quy định chế độ thông tin báo cáo của Sở.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức các hoạt động Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 lành mạnh, văn minh, an toàn, tiết kiệm; Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 01 năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 02 năm 2019; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Hưng**

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

## BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 01 năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1025	720	720	561	561	70,24%	128,34%	128,34%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	569	335	335	562	562	58,88%	59,58%	59,58%
3	Tinh bột sắn	Tấn	8342	8300	8300	8523	8523	99,50%	97,38%	97,38%
4	Bia lon	1000 lít	1295	1350	1350	1150	1150	104,25%	117,39%	117,39%
5	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1653	1450	1450	1205	1205	87,72%	120,33%	120,33%
6	Quần áo may sẵn	1000 cái	861	734	734	682	682	85,25%	107,62%	107,62%
7	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	8120	7969	7969	9599	9599	98,14%	83,02%	83,02%
8	Dăm gỗ	Tấn	15653	14800	14800	10225	10225	94,55%	144,74%	144,74%
9	Ván ép	M3	16472	18200	18200	18650	18650	110,49%	97,59%	97,59%
10	Dầu nhựa thông	Tấn	91	60	60	80	80	65,93%	75,00%	75,00%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	469	370	370	361	361	78,89%	102,49%	102,49%
12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	9450	9000	9000	4456	4456	95,24%	201,97%	201,97%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	205	210	210	241	241	102,39%	87,30%	87,30%
14	Săm xe các loại	1000 cái	458	460	460	508	508	100,35%	90,57%	90,57%
15	Xi măng	Tấn	10055	18500	18500	19525	19525	183,99%	94,75%	94,75%
16	Gạch xây	1000 viên	9507	8700	8700	8422	8422	91,51%	103,30%	103,30%
17	Điện sản xuất	Triệu KWh	34	31	31	28	28	92,16%	111,27%	111,27%
18	Điện thương phẩm	Triệu KWh	60	59	59	46	46	99,75%	130,55%	130,55%
19	Nước máy	1000 m3	1046	1050	1050	927	927	100,38%	113,27%	113,27%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
II	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	Tỷ đồng	2491,41	2602,32	2602,32	2342,71	2342,71	104,45%	111,08%	111,08%
1	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	Tỷ đồng	2167,72	2263,63	2263,63	2034,72	2034,72	104,42%	111,25%	111,25%
	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	178,21	184,20	184,20	171,14	171,14	103,36%	107,63%	107,63%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	-	-	-	-	-	-	-	-
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1520,46	1596,25	1596,25	1425,48	1425,48	104,98%	111,98%	111,98%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	469,05	483,19	483,19	438,10	438,10	103,01%	110,29%	110,29%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>323,69</b>	<b>338,69</b>	<b>338,69</b>	<b>307,99</b>	<b>307,99</b>	<b>104,63%</b>	<b>109,97%</b>	<b>109,97%</b>
2,1	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	Tỷ đồng	231,75	242,51	242,51	219,98	219,98	104,64%	110,24%	110,24%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		228,97	239,72	239,72	217,42	217,42	104,69%	110,26%	110,26%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,78	2,79	2,79	2,56	2,56	100,49%	108,92%	108,92%
2,2	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	"	91,94	96,18	96,18	88,00	88,00	104,61%	109,29%	109,29%



SỞ CÔNG THƯƠNG

Biên 02/SCTG

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**Tháng 01 năm 2019**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 12/2018		Dự ước tháng 01/2019			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 01/2019 so với tháng 01/2018
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>145,60</b>	<b>109,99</b>	<b>133,51</b>	<b>91,70</b>	<b>112,81</b>	<b>112,81</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	122,21	101,05	84,30	68,98	102,13	102,13
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	151,58	109,41	141,14	93,11	111,79	111,79
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	140,99	117,94	136,37	96,72	123,75	123,75
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	107,71	117,18	104,74	97,24	111,49	111,49